SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU; Thời gian ký: 2025-12-04T10:02:09+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 0371 /BC-UBND	*Cà Mau, ngày 28 tháng 11 năm 2025*

BÁO CÁO
Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau

Phần I
KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

Thực hiện Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau, nhằm đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất theo đơn vị hành chính (xã, tỉnh); làm cơ sở cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, định hướng sử dụng quỹ đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững theo đúng quy định của pháp luật.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024";

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và công bố danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều vùng ven biển và 10 đảo, cụm đảo lớn của Việt Nam; bản đồ đường mép nước thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 03 hải lý vùng ven biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-BNV ngày 08/8/2023 của Bộ Nội vụ về công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của tỉnh Cà Mau đã được hoàn thiện hiện đại hóa theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024;

Căn cứ Công văn số 2168/BNNMT-QLĐĐ ngày 19/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024;

Căn cứ Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

II. MỤC TIÊU CÔNG TÁC KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2024

Công tác kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau phải đạt được các mục tiêu sau:

- Xác định đầy đủ, chính xác diện tích đất tự nhiên, diện tích các loại đất, cơ cấu diện tích theo từng loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất đến thời điểm kiểm kê đất đai tính đến hết ngày 31/12/2024.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất giữa kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và kết quả kiểm kê đất đai năm 2014; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất từ năm 2020 đến năm 2024 của tỉnh Cà Mau.

- Cung cấp số liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai và nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo và các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội.

Phần II
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc

sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Cà Mau.

Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024, tỉnh Cà Mau có diện tích tự nhiên là 788.728ha, gồm 64 xã, phường. Trong đó: Có 09 phường, 55 xã và các đảo như: Cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Sao, Hòn Đồi Mồi, Hòn Gỗ, Hòn Đá Lẻ thuộc xã Đất Mũi; cụm đảo Hòn Chuối, đảo Hòn Buông thuộc xã Sông Đốc; cụm đảo Hòn Đá Bạc thuộc xã Đá Bạc.

Ranh địa giới hành chính của tỉnh Cà Mau tiếp giáp như sau:

- Phía Đông và Đông Nam: Giáp Biển Đông;

- Phía Tây và Tây Nam: Giáp Vịnh Thái Lan;

- Phía Bắc: Giáp tỉnh An Giang và thành phố Cần Thơ.

Cà Mau là tỉnh địa đầu cực Nam của Tổ quốc, có ba mặt giáp biển. Đây là tạo điều kiện thuận lợi để Cà Mau phát triển các ngành kinh tế biển như nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản, du lịch sinh thái biển, năng lượng tái tạo (gió và điện mặt trời), cũng như hình thành các khu kinh tế ven biển và cảng biển chiến lược.

2. Khí hậu

Tỉnh Cà Mau mang những đặc tính chung của khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đó là khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao (nhiệt độ trung bình 27,9^{0}C, trung bình cao nhất trong năm không còn vào tháng 4 mà vào tháng 5: 30,2^{0}C, trung bình thấp nhất vào tháng Giêng: 26,5^{0}C). Đây là điều kiện thích hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản.

Lượng mưa trung bình năm là 1.998,3 mm; lượng mưa phân bố không đều trong các tháng và có sự khác biệt giữa các khu vực trong tỉnh. Độ ẩm trung bình là 81% nhưng mùa khô độ ẩm thấp hơn, vào tháng 3 độ ẩm khoảng 74%.

Chế độ gió thịnh hành theo mùa, mùa khô thịnh hành hướng gió Đông Bắc và gió Đông, vận tốc gió trung bình khoảng 1,6 - 2,8 m/s; mùa mưa thịnh hành hướng gió Tây Nam hoặc gió Tây, vận tốc trung bình 1,8 - 4,5 m/s.

3. Thuỷ văn

Chế độ thủy triều tỉnh Cà Mau chịu tác động trực tiếp của cả 02 chế độ nhật triều và bán nhật triều không đều. Trong năm biên độ triều xuất hiện cao nhất vào tháng 10, 11, 12 âm lịch. Trong tháng có 2 lần biên độ triều cao là các ngày giữa tháng và cuối tháng âm lịch khoảng 300 - 350 cm và các ngày triều kém khoảng 180 - 220cm.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trong giai đoạn từ năm 2020 - 2024, kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đạt nhiều kết quả quan trọng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đời sống người dân không ngừng nâng cao.

1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt kết quả khá, bình quân đạt hơn 7%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Các trụ cột kinh tế được triển khai thực hiện, đạt nhiều kết quả tốt.

a) Nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản

- Nông nghiệp: Phát triển ổn định theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Mô hình liên kết chuỗi giá trị, cánh đồng lớn trong sản xuất lúa phát triển mạnh và mang lại hiệu quả cao; đã nghiên cứu lai tạo thành công một số giống lúa phù hợp với điều kiện địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý nông sản hàng hóa, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, quảng bá và khai thác các sản phẩm mang thương hiệu Cà Mau, Bạc Liêu; sản phẩm OCOP đa dạng, chất lượng và sản lượng được nâng cao, nhiều sản phẩm đã tham gia vào chuỗi cung ứng trong hệ thống siêu thị và xuất khẩu.

- Lâm nghiệp: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy định, góp phần cải thiện môi trường, phát triển bền vững; sản xuất dưới tán rừng gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Diêm nghiệp: Được quan tâm đầu tư, nhất là qua sự kiện Festival Nghề Muối Việt Nam - Bạc Liêu năm 2025 đã mở ra nhiều cơ hội cho phát triển ngành sản xuất muối.

- Thủy sản, nhất là sản xuất tôm tăng trưởng mạnh, tiếp tục giữ vững vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn; các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao ngày càng được hoàn thiện, tăng giá trị và năng suất, chất lượng; đã tổ chức sự kiện Festival tôm và ngày hội cua Cà Mau góp phần phát triển thủy sản của tỉnh, xứng tầm là "thủ phủ tôm của cả nước"; khai thác thủy, hải sản tiếp tục tăng trưởng khá; lĩnh vực khai thác hải sản được cơ cấu lại theo hướng giảm khai thác gần bờ, không vi phạm vùng biển các nước.

b) Công, thương nghiệp và phát triển kinh tế biển

- Công nghiệp: Trọng tâm là công nghiệp chế biến thủy sản, khí - điện - đạm (Cà Mau) và năng lượng đạt kết quả quan trọng vào phát triển kinh tế. Chế biến thủy sản xuất khẩu phát huy được vai trò chủ lực với trên 80 nhà máy chế biến, với tổng công suất thiết kế khoảng 500.000 tấn/năm; sản lượng khí thương phẩm đạt 10 tỷ m^3, khí hóa lỏng 725 ngàn tấn, điện 25.633 triệu KWh, đạm 5 triệu tấn; đã hoàn thành đưa vào vận hành 16 dự án điện gió với tổng công suất 870,2 MW, cùng với 2.827 hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất 236,4 MW, góp phần phát triển nhanh lĩnh vực sản xuất năng lượng điện tái tạo.

- Thương mại, dịch vụ: Mạng lưới cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ phát triển ngày càng đồng bộ, phương thức hoạt động đa dạng, bảo đảm thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân; tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt trên 800 ngàn tỷ đồng. Các loại hình dịch vụ vận tải và logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng theo hướng đa dạng hóa các sản

phẩm. Thị trường xuất khẩu được mở rộng, sản phẩm đa dạng và chất lượng được nâng lên; tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt hơn 11,3 tỷ USD.

- Phát triển kinh tế biển: Gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh được tăng cường và đạt nhiều kết quả quan trọng; đã thành lập Khu bảo tồn biển nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển gắn với phát triển kinh tế biển. Nhiều dự án động lực đã được triển khai, nhất là các dự án điện gió phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an ninh năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; công nghiệp khu vực ven biển và hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển, đảo được chú trọng đầu tư; nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống khu vực ven biển được tăng cường; nhiều hợp tác xã và doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư nuôi biển, mở ra triển vọng phát triển mới cho kinh tế biển trong thời gian tới.

c) Công tác quy hoạch, phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới

- Công tác quy hoạch, phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới được thực hiện tích cực, hiệu quả.

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư xây dựng, từng bước hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân, nhiều dự án hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư mới, đưa vào sử dụng hiệu quả như: Khu lưu niệm Chuyến tàu tập kết ra Bắc, cầu sông Ông Đốc, cầu Gành Hào, đường tránh Quốc lộ 1, đường về Khánh Hội, Cái Đôi Vàm, Đầm Dơi, nâng cấp bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu… Khởi công nhiều dự án động lực mới: Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, Sân bay Cà Mau, Bệnh viện đa khoa 1.200 giường, đường vành đai trong và vành đai ngoài Bạc Liêu, cầu Hoà Bình 2; tuyến đường ĐT.979 kết nối với tuyến cao tốc.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông ngày càng được mở rộng, chất lượng nâng lên. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được từng bước đầu tư hướng tới mô hình đô thị thông minh; kết cấu hạ tầng điện ngày càng hoàn thiện, lưới điện truyền tải, điện sinh hoạt được đầu tư kịp thời, cơ bản đáp ứng nhu cầu điện sản xuất, sinh hoạt cho người dân; kết cấu hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ; mạng lưới trường học, hạ tầng giáo dục và đào tạo được quan tâm sắp xếp đảm bảo phù hợp với từng địa phương; mạng lưới y tế công lập được đầu tư mở rộng phục vụ tốt cho công tác phòng bệnh và chữa bệnh; hạ tầng thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao phát huy hiệu quả sử dụng; hạ tầng trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học - công nghệ đã được đầu tư và khai thác, từng bước phát huy hiệu quả.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung triển khai thực hiện toàn diện, quyết liệt, đạt kết quả tốt; diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, sạch đẹp, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, an ninh, trật tự giữ vững.

d) Quản lý tài chính, ngân sách

Quản lý tài chính, ngân sách chặt chẽ, kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách được tăng cường; tình hình tài chính - tiền tệ ổn định, huy động vốn và tín

dụng ngân hàng tăng trưởng khá, hỗ trợ tích cực phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tín dụng chính sách được mở rộng.

đ) Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm chỉ đạo và có nhiều tiến bộ. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quản lý, khai thác tài nguyên nước, khoáng sản được chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh; xây dựng, tổ chức thực hiện khá tốt các kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu. Công tác bảo vệ, phát triển, nâng cao chất lượng rừng và duy trì độ che phủ rừng được chú trọng.

2. Lĩnh vực kinh tế - xã hội

a) Khoa học và Công nghệ

Khoa học, công nghệ phát triển khá, bám sát nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới đã được áp dụng vào sản xuất, góp phần làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hạn chế rủi ro. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, quản lý công nghệ, thị trường công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo... thường xuyên được quan tâm và đạt kết quả quan trọng. Nhận thức của doanh nghiệp và người sản xuất về tầm quan trọng của việc cải tiến, đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, gắn với chuyển đổi số, nhất là ứng dụng trí tuệ nhân tạo ngày càng nâng cao, xem đó là yêu cầu tất yếu, quyết định sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp và quyết định chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm. Hiệu quả bước đầu của việc thay đổi tư duy tạo tiền đề cho bước đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW trong thời gian tới

b) Văn hóa, thông tin và thể thao

- Hệ thống thiết chế văn hóa được tăng cường đầu tư; phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng và hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp tiếp tục phát triển. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa, các di tích lịch sử - văn hóa được thực hiện tốt; phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* gắn với xây dựng nông thôn mới phát triển nhanh và hiệu quả.

- Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, đa dạng, trở thành nhu cầu không thể thiếu trong sinh hoạt hằng ngày của Nhân dân. Thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư, từng bước khẳng định vị thế tại đấu trường trong nước và quốc tế.

- Lĩnh vực thông tin và truyền thông từng bước nâng cao về chất lượng; thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Công tác an toàn, an ninh thông tin được đảm bảo khi kết nối với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin được triển khai tại Trung tâm dữ liệu của địa phương.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng được cải thiện; chất lượng khám chữa bệnh và năng lực giám sát, dự báo, phát hiện, khống chế dịch bệnh được nâng lên; quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế được đảm bảo. Các chỉ tiêu quan trọng lĩnh vực y tế cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra.

d) Giáo dục và đào tạo

Giáo dục và đào tạo có nhiều tiến bộ; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp phát triển cả về lượng và chất. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được thực hiện quyết liệt, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng nhanh, đạt 84%. Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì và nâng cao mức độ đạt chuẩn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục được đẩy mạnh. Chất lượng dạy và học tăng dần qua từng năm.

đ) Lao động, thương binh và xã hội

- Công tác an sinh xã hội, chăm lo gia đình chính sách, người có công với cách mạng được thường xuyên quan tâm và đạt nhiều kết quả tốt; nhất là, triển khai kịp thời, hiệu quả việc hỗ trợ người dân gặp khó khăn.

- Công tác giảm nghèo được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh qua các năm. Hoàn thành xây dựng nhà ở cho đối tượng chính sách và Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Công tác đào tạo nghề cho người lao động được chú trọng; trình độ, tay nghề của người lao động không ngừng cải thiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu lao động của xã hội.

e) Công tác dân tộc và chính sách dân tộc

Công tác dân tộc và chính sách dân tộc luôn được quan tâm thực hiện và đạt được nhiều kết quả nổi bật; các chương trình, dự án, chính sách an sinh xã hội hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện thường xuyên. Công tác tôn giáo và quản lý nhà nước về tôn giáo được quan tâm và tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động theo quy định, với phương châm sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần xây dựng nếp văn hóa và đoàn kết dân tộc.

Nhìn chung, lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh thực hiện đạt kết quả tốt; kinh tế tăng trưởng khá; văn hóa - xã hội tiếp tục có tiến bộ; chất lượng giáo dục được nâng lên; các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững thực hiện đạt kết quả thiết thực; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo giảm mạnh; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân được cải thiện, nâng lên.

Phần III
TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, NGUỒN SỐ LIỆU, TÀI LIỆU VÀ ĐỘ TIN CẬY CỦA SỐ LIỆU, TÀI LIỆU THU THẬP

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tình hình thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính

Tình hình thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp (cấp xã, cấp tỉnh) trên địa bàn tỉnh Cà Mau, để làm cơ sở tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 của cấp xã, cấp tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính như sau:

- Đối với cấp xã: Theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025. Theo đó, 100 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Cà Mau (cũ), được sắp xếp lại thành 39 xã, phường; 64 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bạc Liêu (cũ), được sắp xếp lại thành 25 xã, phường.

Như vậy, số lượng đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã là 64 xã, phường (09 phường và 55 xã).

- Đối với cấp tỉnh: Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Cà Mau, gồm 64 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc.

2. Tình hình tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai

Việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.1. Công tác chuẩn bị

- Thu thập hồ sơ, tài liệu, dữ liệu ranh giới, địa giới đơn vị hành chính cấp xã mới gồm: Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025; Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

- Thu thập hồ sơ, tài liệu kiểm kê đất đai năm 2024, gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, hệ thống biểu,... của cấp xã trước sắp xếp và sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; tài liệu, bản đồ thể hiện địa giới của đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh sau sắp xếp.

- Thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ kiểm kê đất đai trên địa bàn cấp tỉnh; hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và năm 2014, kết quả thống kê đất đai các năm: 2020, 2021, 2022 và 2023 của cấp tỉnh và các tài liệu có liên quan.

2.2. Tổ chức thực hiện

Để thực hiện tốt công tác tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 theo đúng nội dung, trình tự quy định, UBND tỉnh đã tổ chức thực hiện như sau:

a) Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024; Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024". Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã xây dựng kế hoạch thực hiện và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau: Đã ban hành Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 18/09/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 [1].

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Đã ban hành Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 24/09/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 [2].

b) Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Cà Mau; Công văn số 2168/BNNMT-QLĐĐ ngày 19/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 và Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp số liệu kiểm

---

[1] Công văn số 8653/UBND-NNTN ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh về việc kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Công văn số 9017/UBND-NNTN ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh về việc thống kê, kiểm kê đất đai; Công văn số 3668/UBND-NNTN ngày 13/5/2024 của UBND tỉnh về việc kiểm kê đất đai trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4925/UBND-NNTN ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh về việc kiểm kê đất đai trên địa bàn tỉnh; Công văn số 5905/UBND-NNTN ngày 22/7/2024 về việc kiểm kê đất đai trên địa bàn tỉnh;

[2] Công văn số 386/UBND-KT ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Công văn số 1035/UBND-KT ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ khẩn trương hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Công văn số 1662/UBND-KT ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ hoàn thành kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn cấp xã; Công văn số 1920/UBND-KT ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1941/UBND-KT ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và tổng hợp số liệu diện tích tự nhiên khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. UBND tỉnh Cà Mau ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 hai cấp (xã, tỉnh) trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh [3]. Đồng thời, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 hai cấp (xã, tỉnh) trên địa bàn tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh theo đúng nội dung, trình tự quy định.

II. NGUỒN SỐ LIỆU, TÀI LIỆU VÀ ĐỘ TIN CẬY CỦA SỐ LIỆU, TÀI LIỆU THU THẬP

1. Nguồn số liệu, tài liệu sử dụng để tổng hợp kiểm kê đất đai

Số liệu, tài liệu được sử dụng để tổng hợp kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau, gồm:

- Hồ sơ, tài liệu liên quan đến ranh giới, địa giới đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cấp xã của tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025;

- Kết quả thống kê đất đai các năm: 2020, 2021, 2022 và 2023 của tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính.

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 của tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính.

- Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2024 của tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Độ tin cậy của số liệu, tài liệu thu thập

Nguồn số liệu, tài liệu sử dụng để tổng hợp kiểm kê đất đai năm 2024 của tỉnh Cà Mau sau khi sắp xếp đơn vị hành chính được thành lập theo quy định Luật Đất đai và các văn bản có liên quan, đã được kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt và công bố theo quy định nên có độ chính xác cao như:

- Hồ sơ, tài liệu liên quan đến ranh giới, địa giới đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội.

---

[3] Công văn số 0288/UBND-NNXD ngày 08/7/2025 về việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024; Công văn số 02526/UBND-NNXD ngày 14/08/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Công văn số 03313/UBND-NNXD ngày 27/08/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024; Công văn số 05651/UBND-NNXD ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc kiểm kê đất đai năm 2024 và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cấp xã của tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện theo Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thực hiện đúng nội dung, trình tự và phê duyệt theo quy định.

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2014, kết quả thống kê đất đai các năm: 2020, 2021, 2022, 2023 của tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính; Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh giai đoạn 2020 - 2024 của tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, được thu thập đầy đủ, chính xác.

Phần IV
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Hiện trạng sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất

Tính đến hết ngày 31/12/2024, tỉnh Cà Mau có hiện trạng sử dụng đất theo mục đích sử dụng được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 4.1: Diện tích các loại đất theo mục đích sử dụng đất

Đơn vị tính: ha

STT	Loại đất	Ký hiệu	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Cơ cấu diện tích các loại đất (%)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Tổng diện tích (I+II+III)		**788.728**	**100**
I	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**683.234**	**87**
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	182.056	23
1.1	Đất trồng lúa	LUA	178.609	23
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	96.715	12
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	81.894	10
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	3.446	0
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	66.729	8
3	Đất lâm nghiệp	LNP	148.201	19
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.385	2
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	37.201	5
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	91.614	12
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	284.006	36
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	4	0

STT	Loại đất	Ký hiệu	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Cơ cấu diện tích các loại đất (%)
6	Đất làm muối	LMU	1.620	0
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	619	0
II	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**81.967**	**10**
1	Đất ở	OTC	11.316	1
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	8.360	1
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.955	0
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	374	0
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	9.980	1
3.1	Đất quốc phòng	CQP	7.991	1
3.2	Đất an ninh	CAN	1.989	0
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1.155	0
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	146	0
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	11	0
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	142	0
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	761	0
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	51	0
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	1	0
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0	
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	1	0
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	42	0
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2.053	0
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	537	0
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	470	0
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	67	0
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	482	0
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.033	0
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0	
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	24.088	3
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	11.862	2
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	8.583	1
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	11	0
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	397	0
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	60	0
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	103	0

STT	Loại đất	Ký hiệu	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Cơ cấu diện tích các loại đất (%)
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2.807	0
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	19	0
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	42	0
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	204	0
7	Đất tôn giáo	TON	269	0
8	Đất tín ngưỡng	TIN	65	0
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	455	0
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	32.202	4
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	841	0
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	31.361	4
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	10	0
III	**Nhóm đất chưa sử dụng**	**CSD**	**23.527**	**3**
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	95	0
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	22.395	3
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	1.037	0

Tổng diện tích đất của tỉnh: 788.728 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp là 683.234ha, chiếm 87%; nhóm đất phi nông nghiệp là 81.967ha, chiếm 10%; nhóm đất chưa sử dụng là 23.527ha, chiếm 3%.).

2. Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024 tỉnh Cà Mau có diện tích đất theo đối tượng sử dụng đất và diện tích đất theo đối tượng được giao quản lý đất là 788.728ha, chiếm 100% diện tích tự nhiên.

a) Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng

Kết quả tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau có tổng diện tích đất theo đối tượng sử dụng đất là 712.318ha, chiếm 90% diện tích tự nhiên của tỉnh. Trong đó:

- *Cá nhân trong nước:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 557.453ha, chiếm 71% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất nông nghiệp là 546.549ha, gồm các loại đất sau: Đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 10.904ha, gồm các loại đất sau: Đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất phi nông nghiệp khác, do hộ gia đình cá nhân đang quản lý, sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở và sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

- *Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 19.586ha, chiếm 2% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất nông nghiệp là 8.386ha, gồm các loại đất sau: Đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối, do các đơn vị an ninh, quân đội đang quản lý sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp và quỹ đất công do Ủy ban nhân dân xã, phường đang cho các hộ dân mượn tạm, cho thuê.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 11.200ha chủ yếu là đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn (quỹ đất công do Ủy ban nhân dân xã, phường đang cho các hộ dân mượn làm nhà tạm hoặc đang cho thuê), đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất an ninh, đất quốc phòng, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên, đất công trình xử lý chất thải, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt,...

- *Đơn vị sự nghiệp công lập:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 80.037ha, chiếm 10% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất nông nghiệp là 79.042ha, chủ yếu là đất lâm nghiệp, do các Ban Quản lý rừng đang quản lý, sử dụng và đất nông nghiệp khác do Trung tâm giống nông nghiệp đang quản lý, sử dụng để sản xuất thực nghiệm giống cây trồng, vật nuôi.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 995 ha, chủ yếu là đất xây dựng công trình sự nghiệp và đất sử dụng vào mục đích công cộng.

- *Tổ chức kinh tế:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 54.321ha, chiếm 7% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất nông nghiệp là 48.823ha, chủ yếu là đất rừng sản xuất do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý, sử dụng; đất nuôi trồng thủy sản thuộc các dự án nuôi tôm công nghệ cao của các tổ chức kinh tế.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 5.498ha, chủ yếu là đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn (các dự án nhà ở thương mại), đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng,...

- *Tổ chức khác:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 10ha, chiếm (0,001%) diện tích tự nhiên, chủ yếu là đất phi nông nghiệp gồm: Đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở xã hội và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt.

- *Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 313ha, chiếm (0,04%) diện tích tự nhiên. Trong đó:.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất nông nghiệp là 38ha, gồm các loại đất sau: Đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản do các các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đang quản lý, sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 275ha, chủ yếu là đất tôn giáo và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- *Cộng đồng dân cư:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 137ha, chiếm (0,02%) diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất nông nghiệp là 19ha, gồm đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản, do cộng đồng dân cư đang quản lý, sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 118ha, chủ yếu là đất tín ngưỡng và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt.

- *Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:* Diện tích sử dụng đất năm 2024 là 460ha, chiếm (0,06%) diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất nông nghiệp là 376ha, chủ yếu là đất nuôi trồng thủy sản của Công ty Cổ phần Việt - Úc.

+ Diện tích sử dụng đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 84ha, chủ yếu là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của Công ty Cổ phần Việt - Úc.

- Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng được giao quản lý đất

Kết quả tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau có tổng diện tích đất theo đối tượng được giao quản lý đất là 76.410ha, chiếm 10% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh. Trong đó:

- *Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân:* Diện tích được giao quản lý đất năm 2024 là 76.372ha, chiếm 10% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích được giao quản lý đất vào mục đích nhóm đất phi nông nghiệp là 52.883ha, gồm các loại đất sau: Đất giao thông, đất thủy lợi, đất công trình

phòng, chống thiên tai, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá và đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

+ Diện tích được giao quản lý đất vào mục đích nhóm đất chưa sử dụng là 23.489ha, gồm các loại đất sau: Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê, đất bằng chưa sử dụng và đất có mặt nước chưa sử dụng.

- *Đơn vị sự nghiệp công lập:* Diện tích được giao quản lý đất năm 2024 là 38ha, chiếm (0,005%) diện tích tự nhiên, chủ yếu là đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê, đang giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.

II. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN BIẾN ĐỘNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT

Tình hình biến động về mục đích sử dụng đất giữa diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019 và diện tích kiểm kê đất đai năm 2014 như sau:

1. Biến động về sử dụng đất giữa diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019

1.1. Biến động diện tích đất tự nhiên

Theo kết quả tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau có diện tích đất tự nhiên 788.728ha, so với diện tích tự nhiên trong kỳ kiểm kê đất năm 2019 là 794.239ha, giảm 5.511ha, do kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 xác định lại ranh địa giới hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

- Giảm 5.511,50ha, do xác định lại ranh địa giới hành chính cấp xã theo Quyết định số 630/QĐ-BNV ngày 08/08/2023 của Bộ Nội vụ về công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của tỉnh Cà Mau đã được hoàn thiện hiện đại hóa theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và công bố danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều vùng ven biển và 10 đảo, cụm đảo lớn của Việt Nam; bản đồ đường mép nước thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 03 hải lý vùng ven biển Việt Nam;

+ Tăng 0,70ha, do cập nhật lại ranh giới sử dụng đất khu đất Cụm đảo Hòn Chuối tại xã Sông Đốc theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao đất, giao rừng cho Hạt Kiểm lâm rừng Cụm đảo Hòn Khoai và cập nhật lại ranh giới sử dụng đất khu đất tại Hòn Đá Bạc, xã Đá Bạc [4].

---

[4] Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất có rừng của Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Minh Nhựt, Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ Biển Tây tại ấp Kinh Hòn, Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời (nay là xã Đá Bạc) và giao đất có rừng cho Công an tỉnh Cà Mau quản lý, sử dụng.

Diện tích tự nhiên của tỉnh Cà Mau trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích tự nhiên trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 biến động theo đơn vị hành chính cấp xã. Cụ thể tại Bảng sau:

Bảng 4.2: Biến động diện tích tự nhiên trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 so với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 theo đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị tính: ha

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên năm 2024	Diện tích tự nhiên năm 2019	Tăng(+) Giảm(-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)-(4)*
I	**Cập nhật lại ranh địa giới hành chính theo Quyết định số 630/QĐ-BNV ngày 08/08/2023 của Bộ Nội vụ**			**-10,20**
1	Xã Định Thành	11.718,57	11.717,89	0,68
2	Xã An Trạch	10.012,81	10.022,96	-10,15
3	Xã Phong Thạnh	14.300,21	14.296,52	3,69
4	Phường Láng Tròn	10.645,01	10.642,57	2,44
5	Phường Giá Rai	10.456,33	10.460,24	-3,91
6	Xã Vĩnh Mỹ	11.578,36	11.577,91	0,45
7	Xã Hưng Hội	6.239,60	6.240,77	-1,17
8	Xã Vĩnh Lợi	6.168,62	6.168,91	-0,29
9	Xã Châu Thới	9.149,59	9.153,91	-4,32
10	Xã Hòa Bình	11.478,90	11.477,39	1,51
11	Xã Phong Hiệp	11.730,94	11.728,34	2,60
12	Xã Vĩnh Thanh	7.531,04	7.530,51	0,53
13	Xã Vĩnh Phước	12.721,20	12.721,48	-0,28
14	Xã Phước Long	9.812,14	9.811,14	1,00
15	Xã Ninh Thạnh Lợi	13.322,11	13.327,23	-5,12
16	Xã Vĩnh Lộc	9.247,35	9.247,13	0,22
17	Xã Ninh Quới	7.314,38	7.311,66	2,72
18	Xã Hồng Dân	12.493,37	12.492,76	0,61
19	Phường Vĩnh Trạch	4.976,06	4.975,29	0,77
20	Phường Bạc Liêu	2.970,49	2.972,03	-1,54
21	Phường Hòa Thành	9.575,45	9.575,55	-0,10
22	Phường Tân Thành	5.000,80	5.000,81	-0,01
23	Phường Lý Văn Lâm	4.556,31	4.556,32	-0,01
24	Xã Trí Phải	16.663,42	16.663,34	0,08
25	Xã Hồ Thị Kỷ	9.359,10	9.359,15	-0,05
26	Xã Tân Lộc	9.679,44	9.679,28	0,16
27	Xã U Minh	14.499,43	14.499,49	-0,06
28	Xã Khánh Lâm	20.821,42	20.821,50	-0,08
29	Xã Khánh An	17.768,20	17.768,73	-0,53
30	Xã Phú Mỹ	8.779,04	8.779,03	0,01

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên năm 2024	Diện tích tự nhiên năm 2019	Tăng(+) Giảm(-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)-(4)*
31	Xã Phú Tân	10.178,25	10.176,64	1,61
32	Xã Cái Đôi Vàm	13.106,02	13.106,04	-0,02
33	Xã Nguyễn Việt Khái	12.996,46	12.998,07	-1,61
34	Xã Khánh Hưng	12.959,61	12.959,62	-0,01
35	Xã Trần Phán	7.489,77	7.491,40	-1,63
36	Xã Tân Thuận	16.984,26	16.984,25	0,01
37	Xã Tân Tiến	20.714,99	20.714,98	0,01
38	Xã Thanh Tùng	8.995,74	8.995,76	-0,02
39	Xã Quách Phẩm	7.374,15	7.372,51	1,64
40	Xã Đầm Dơi	9.627,93	9.627,94	-0,01
41	Xã Đất Mũi	27.139,40	27.139,39	0,01
42	Xã Tân Ân	21.823,13	21.823,16	-0,03
II	**Cập nhật lại ranh địa giới hành chính theo Quyết định số 630/QĐ-BNV ngày 08/08/2023 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**			**5.501,30**
1	Xã Long Điền	12.970,33	12.954,54	15,79
2	Xã Đông Hải	14.514,10	14.792,72	-278,62
3	Xã Gành Hào	8.922,23	8.465,07	457,16
4	Xã Vĩnh Hậu	20.635,73	23.274,97	-2.639,24
5	Phường Hiệp Thành	10.367,90	13.424,29	-3.056,39
III	**Cập nhật lại ranh địa giới hành chính theo Quyết định giao đất (Cụm đảo Hòn Chuối và Hòn Đá Bạc)**			**0,70**
1	Xã Đá Bạc	21.247,12	21.246,81	0,31
2	Xã Sông Đốc	8.418,71	8.418,32	0,39
Tổng (I+II+III)		**577.035,52**	**582.546,32**	**-5.511**

1.2. Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất

Tình hình biến động về mục đích sử dụng đất giữa diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019, cụ thể như sau:

Bảng 4.3: Biến động diện tích các loại đất theo mục đích sử dụng

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2024	So với năm 2019	
				Diện tích năm 2019	Tăng (+) giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)-(5)*
	Tổng diện tích đất của ĐVHC (1+2+3)		**788.728**	**794.239**	**-5.511**

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2024	So với năm 2019	
				Diện tích năm 2019	Tăng (+) giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)-(5)*
I	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**683.234**	**687.353**	**-4.119**
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	182.056	180.116	1.940
1.1	Đất trồng lúa	LUA	178.609	177.416	1.193
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	96.715	97.908	-1.192
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	81.894	79.509	2.385
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	3.446	2.700	747
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	66.729	60.156	6.573
3	Đất lâm nghiệp	LNP	148.201	147.406	795
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.385	20.137	-752
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	37.201	35.572	1.630
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	91.614	91.697	-83
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*0*	*0*	*0*
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	284.006	297.338	-13.333
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	4	0	4
6	Đất làm muối	LMU	1.620	1.705	-86
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	619	631	-12
II	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**81.967**	**79.215**	**2.752**
1	Đất ở	OTC	11.316	11.787	-471
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	8.360	8.951	-590
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.955	2.836	119
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	374	354	21
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	9.980	6.137	3.843
3.1	Đất quốc phòng	CQP	7.991	3.204	4.786
3.2	Đất an ninh	CAN	1.989	2.932	-943
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1.155	1.199	-43
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	146	151	-5
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	11	20	-8
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	142	137	5
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	761	755	6
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	51	68	-16
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	1	1	0

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2024	So với năm 2019	
				Diện tích năm 2019	Tăng (+) giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)-(5)*
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0	0	0
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	1	0	1
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	0	0
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	42	67	-26
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2.053	1.891	162
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	537	384	153
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	470	384	86
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	67	0	67
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0	0	0
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	482	479	3
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.033	1.035	-2
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0	0	0
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	24.088	26.691	-2.603
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	11.863	11.930	-67
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	8.583	9.852	-1.269
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	11	0	11
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	397	0	397
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	60	54	6
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	103	96	7
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2.807	4.576	-1.769
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	19	22	-3
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	42	44	-2
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	204	111	94
7	Đất tôn giáo	TON	269	262	7
8	Đất tín ngưỡng	TIN	65	55	10
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	455	490	-34
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	32.202	30.340	1.862
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	841	767	74

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2024	So với năm 2019	
				Diện tích năm 2019	Tăng (+) giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)-(5)*
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	31.361	29.572	1.788
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	10	11	0
III	**Nhóm đất chưa sử dụng**	**CSD**	**23.527**	**27.672**	**-4.145**
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	95	0	95
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	22.395	27.672	-5.276
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0	0	0
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	0	0	0
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	1.037	0	1.037

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, các loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau có sự biến động về mục đích sử dụng đất, cụ thể như sau:

a) Biến động diện tích nhóm đất nông nghiệp trong năm kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019

Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 683.234ha, so với năm 2019 là 687.353ha, giảm 4.119ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp, để thực hiện các công trình, dự án, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, kỹ thuật, hạ tầng của tỉnh, chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; chuyển sang đất bằng chưa sử dụng do điều chuyển tài sản công (các khu đất sản xuất nông nghiệp), giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, xác định lại mục đích sử dụng đất theo hồ sơ địa chính đối với khu vực giáp biển,... cụ thể như sau:

- *Đất trồng lúa*: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 178.609ha, so với năm 2019 là 177.416ha, tăng 1.193ha, chủ yếu do xác định lại ranh giới, diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt và rà soát cập nhật lại đất trồng lúa theo hồ sơ địa chính, cụ thể như sau:

+ Tăng 16.200ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây hằng năm khác 584 ha, đất trồng cây lâu năm 2.204ha, đất rừng sản xuất 4ha, đất nuôi trồng thủy sản 12.648ha, đất nông nghiệp khác 2ha, đất ở tại nông thôn 203ha, đất ở tại đô thị 11ha, đất quốc phòng 3ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 8ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 4ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1ha, đất công trình giao thông 307 ha, đất công trình thủy lợi 65ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 2ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 1ha, đất tôn giáo 2ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro

cốt 7ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 130ha và tăng khác 5ha.

+ Giảm 15.004ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây hằng năm khác 896ha, đất trồng cây lâu năm 4.890ha, đất rừng sản xuất 620ha, đất nuôi trồng thủy sản 5.734ha, đất chăn nuôi tập trung 3ha, đất nông nghiệp khác 2ha, đất ở tại nông thôn 220ha, đất ở tại đô thị 44ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 3ha, đất quốc phòng 1.550ha, đất an ninh 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 11ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất khu công nghiệp 12ha, đất thương mại, dịch vụ 11ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5ha, đất công trình giao thông 568ha, đất công trình thủy lợi 40ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 1ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 9ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 14ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 6ha, đất tôn giáo 6ha, đất tín ngưỡng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 6ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 106ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 159ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 5ha, đất bằng chưa sử dụng 77ha và giảm khác 9ha.

- *Đất trồng cây hàng năm khác:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 3.446ha, so với năm 2019 là 2.700ha, tăng 747ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo hồ sơ địa chính, cụ thể như sau:

+ Tăng 1.442ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 896 ha, Đất trồng cây lâu năm 295 ha, đất nuôi trồng thủy sản 182ha, đất nông nghiệp khác 1ha, đất ở tại nông thôn 24ha, đất ở tại đô thị 10ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất công trình giao thông 15ha, đất công trình thủy lợi 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4ha, đất bằng chưa sử dụng 11ha và tăng khác 1ha.

+ Giảm 696ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 584 ha, Đất trồng cây lâu năm 68ha, đất nuôi trồng thủy sản 9ha, đất ở tại nông thôn 14ha, đất ở tại đô thị 5ha, đất công trình giao thông 11ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3 ha.

- *Đất trồng cây lâu năm:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 66.729ha, so với năm 2019 là 60.156ha, tăng 6.573ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo hồ sơ địa chính, cụ thể như sau:

+ Tăng 19.601ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 4.890ha, đất trồng cây hằng năm khác 68ha, đất rừng phòng hộ 106ha, đất rừng sản xuất 169 ha, đất nuôi trồng thủy sản 10.461ha, đất làm muối 4ha, đất nông nghiệp khác 2ha, đất ở tại nông thôn 1.843ha, đất ở tại đô thị 199ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 4ha, đất quốc phòng 2ha, đất an ninh 2ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 3ha, đất xây dựng cơ sở y tế 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 30ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 3ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 2ha, đất khu công nghiệp 1ha, đất thương mại, dịch vụ 18ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 16ha, đất công trình giao thông 1.351ha, đất công trình thủy lợi 91ha, đất có di tích

lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 2ha, đất công trình xử lý chất thải 2ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 1ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 1ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 2ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 8ha, đất tôn giáo 7ha, đất tín ngưỡng 3ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 24ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 8ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 272ha, đất bằng chưa sử dụng 5ha và tăng khác 4ha.

+ Giảm 13.026ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 2.204ha, đất trồng cây hằng năm khác 295 ha, đất rừng đặc dụng 18ha, đất rừng phòng hộ 484 ha, đất rừng sản xuất 2.524ha, đất nuôi trồng thủy sản 4.020ha, đất làm muối 1ha, đất nông nghiệp khác 1ha, đất ở tại nông thôn 1.338ha, đất ở tại đô thị 199ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 9ha, đất quốc phòng 87ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 4ha, đất xây dựng cơ sở y tế 5ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 22ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 3ha, đất khu công nghiệp 20ha, đất cụm công nghiệp 3ha, đất thương mại, dịch vụ 14ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 35ha, đất công trình giao thông 1.087ha, đất công trình thủy lợi 49ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 2ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 6ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 1ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 4ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 1ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 6ha, đất tôn giáo 10ha, đất tín ngưỡng 5ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 13ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 5ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 482ha, đất phi nông nghiệp khác 0ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 5ha, đất bằng chưa sử dụng 63ha và giảm khác 5ha.

- *Đất rừng đặc dụng:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 19.385ha, so với năm 2019 là 20.137ha, giảm 752ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo hồ sơ địa chính, cụ thể như sau:

+ Tăng 680ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 18ha, đất rừng phòng hộ 39ha, đất rừng sản xuất 257 ha, đất nuôi trồng thủy sản 132ha, đất nông nghiệp khác 86ha, đất ở tại nông thôn 4ha, đất quốc phòng 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất công trình giao thông 4ha, đất công trình thủy lợi 15ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4ha, đất bằng chưa sử dụng 118 ha.

+ Giảm 1.431ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 0ha, đất rừng phòng hộ 21ha, đất ở tại nông thôn 11ha, đất an ninh 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất công trình giao thông 7ha, đất công trình thủy lợi 76ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 91ha, đất bằng chưa sử dụng 1.222ha và giảm khác 1ha.

- *Đất rừng phòng hộ:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 37.201ha, so với năm 2019 là 35.572ha, tăng 1.630ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo

hồ sơ địa chính, cụ thể như sau:

+ Tăng 2.316ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 484 ha, đất rừng đặc dụng 21ha, đất rừng sản xuất 58ha, đất nuôi trồng thủy sản 7ha, đất nông nghiệp khác 2ha, đất ở tại nông thôn 81ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất an ninh 315 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1ha, đất thương mại, dịch vụ 55ha, đất công trình giao thông 21ha, đất công trình thủy lợi 29ha, đất công trình xử lý chất thải 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 59ha, đất bằng chưa sử dụng 1.178 ha

+ Giảm 686 ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 106ha, đất rừng đặc dụng 39ha, đất rừng sản xuất 291 ha, đất nuôi trồng thủy sản 7ha, đất ở tại nông thôn 5ha, đất quốc phòng 34ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất công trình giao thông 32ha, đất công trình thủy lợi 6ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 50ha, đất công trình xử lý chất thải 4ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 25ha, đất tín ngưỡng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 74ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0ha, đất bằng chưa sử dụng 9 ha.

- *Đất rừng sản xuất:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 91.614ha, so với năm 2019 là 91.697ha, giảm 83ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo hồ sơ địa chính, cụ thể như sau:

+ Tăng 4.289ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 620ha, đất trồng cây lâu năm 2.524ha, đất rừng phòng hộ 291 ha, đất nuôi trồng thủy sản 43ha, đất nông nghiệp khác 6ha, đất ở tại nông thôn 359 ha, đất ở tại đô thị 23ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất quốc phòng 1ha, đất an ninh 31ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 4ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 3ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2ha, đất công trình giao thông 140ha, đất công trình thủy lợi 16ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 159ha, đất bằng chưa sử dụng 60ha.

+ Giảm 4.372ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 4ha, đất trồng cây lâu năm 169 ha, đất rừng đặc dụng 257 ha, đất rừng phòng hộ 58ha, đất nuôi trồng thủy sản 311ha, đất nông nghiệp khác 31ha, đất ở tại nông thôn 112ha, đất ở tại đô thị 5ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 17ha, đất quốc phòng 2.960ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 3ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 7ha, đất thương mại, dịch vụ 14ha, đất công trình giao thông 209 ha, đất công trình thủy lợi 29ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 31ha, đất công trình xử lý chất thải 0ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 16ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 2ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 117ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0ha, đất bằng chưa sử dụng 16ha.

- *Đất nuôi trồng thủy sản:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 284.006ha, so với năm 2019 là 297.338ha, giảm 13.333ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo hồ sơ địa chính, cụ thể như sau:

+ Tăng 12.769ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 5.734ha, đất trồng cây hằng năm khác 9ha, đất trồng cây lâu năm 4.020ha, đất rừng phòng hộ 7ha, đất rừng sản xuất 311ha, đất làm muối 195ha, đất nông nghiệp khác 4ha, đất ở tại nông thôn 475ha, đất ở tại đô thị 79ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 3ha, đất quốc phòng 39ha, đất an ninh 593ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 3ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 13ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 2ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1ha, đất khu công nghiệp 7ha, đất thương mại, dịch vụ 24ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 45ha, đất công trình giao thông 563ha, đất công trình thủy lợi 86ha, đất công trình xử lý chất thải 2ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 3ha, đất tôn giáo 10ha, đất tín ngưỡng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 28ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 4ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 218ha, đất bằng chưa sử dụng 289ha và tăng khác 7ha.

+ Giảm 26.103ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 12.648ha, đất trồng cây hằng năm khác 182ha, đất trồng cây lâu năm 10.461ha, đất rừng đặc dụng 132ha, đất rừng phòng hộ 7ha, đất rừng sản xuất 43ha, đất làm muối 138ha, đất nông nghiệp khác 7ha, đất ở tại nông thôn 682ha, đất ở tại đô thị 178ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 8ha, đất quốc phòng 23ha, đất an ninh 6ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 5ha, đất xây dựng cơ sở y tế 18ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 26ha, đất khu công nghiệp 68ha, đất cụm công nghiệp 63ha, đất thương mại, dịch vụ 20ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 79ha, đất công trình giao thông 727ha, đất công trình thủy lợi 97ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 1ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 1ha, đất công trình xử lý chất thải 0ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 57ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 3ha, đất tôn giáo 12ha, đất tín ngưỡng 7ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 14ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 4ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 343ha, đất phi nông nghiệp khác 2ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 25ha, đất bằng chưa sử dụng 14ha và giảm khác 6ha.

- *Đất chăn nuôi tập trung:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 4ha, so với năm 2019 tỉnh không có đất chăn nuôi tập trung, tăng 4ha được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 3ha và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1ha, do thực hiện dự án xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản của Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hải Hòa theo Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất.

- *Đất làm muối*: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 1.620ha, so với năm 2019 là 1.705ha, giảm 86ha, do xác định lại ranh giới đất làm muối theo hồ sơ địa chính tại các xã: Tân Thuận, Vĩnh Hậu, Đông Hải, Long Điền và Gành Hào, cụ thể như sau:

+ Tăng 139ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 138ha và tăng khác 1ha.

+ Giảm 225ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 4ha, đất nuôi trồng thủy sản 195ha, đất ở tại nông thôn 2ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2ha, đất công trình giao thông 17ha, đất công trình thủy lợi 1ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 2ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1ha và giảm khác 1ha.

- *Đất nông nghiệp khác:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 619 ha, so với năm 2019 là 631ha, giảm 12ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 96ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 2ha, đất trồng cây lâu năm 1ha, đất rừng sản xuất 31ha, đất nuôi trồng thủy sản 7ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 5ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 48ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1ha, do thực hiện các công trình, dự án sau: Dự án đầu tư sản xuất giống tôm biển và xây dựng Khu sản xuất giống thủy sản tập trung Ngọc Hiển, giai đoạn 1 của Công ty TNHH MTV Việt Úc - Cà Mau theo Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh Cà Mau; Dự án đầu tư xây dựng, nghiên cứu, sản xuất, thủy sản công nghệ cao của Công ty Cổ phần Camimex Group theo Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho Công ty Cổ phần Camimex Group thuê đất,...

+ Giảm 109ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 2ha, đất trồng cây hằng năm khác 1ha, đất trồng cây lâu năm 2ha, đất rừng đặc dụng 86ha, đất rừng phòng hộ 2ha, đất rừng sản xuất 6ha, đất nuôi trồng thủy sản 4ha, đất quốc phòng 1ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất công trình giao thông 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3 ha.

b) Biến động diện tích nhóm đất phi nông nghiệp trong năm kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019

Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 81.967ha, so với năm 2019 là 79.215ha, tăng 2.752ha, cụ thể như sau:

- *Đất ở tại nông thôn*: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 8.360ha, so với năm 2019 là 8.951ha, giảm 590 ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 2.680ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 220ha, đất trồng cây hằng năm khác 14ha, đất trồng cây lâu năm 1.338ha, đất rừng đặc dụng 11ha, đất rừng phòng hộ 5ha, đất rừng sản xuất 112ha, đất nuôi trồng thủy sản 682 ha, đất làm muối 2ha, đất ở tại đô thị 100ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất xây dựng cơ sở y tế 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 6ha, đất thương mại, dịch vụ 5ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5ha, đất công trình giao thông 130ha, đất công trình thủy lợi 6ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2ha, đất tôn giáo 1ha, đất tín ngưỡng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 33ha, đất bằng chưa sử dụng 1ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất

theo hồ sơ địa chính và chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân tại các xã.

+ Giảm 3.269ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 203ha, đất trồng cây hằng năm khác 24ha, đất trồng cây lâu năm 1.843ha, đất rừng đặc dụng 4ha, đất rừng phòng hộ 81ha, đất rừng sản xuất 359ha, đất nuôi trồng thủy sản 475ha, đất ở tại đô thị 47ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 7ha, đất quốc phòng 1ha, đất an ninh 2ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 4ha, đất khu công nghiệp 1ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3ha, đất công trình giao thông 139ha, đất công trình thủy lợi 12ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 0ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 1ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 0ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 0ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất tôn giáo 1ha, đất tín ngưỡng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 43ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0ha, đất bằng chưa sử dụng 10ha và giảm khác 2ha.

- *Đất ở tại đô thị:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 2.955ha, so với năm 2019 là 2.836ha, tăng 119ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 605ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 44ha, đất trồng cây hằng năm khác 5ha, đất trồng cây lâu năm 199ha, đất rừng sản xuất 5ha, đất nuôi trồng thủy sản 178ha, đất ở tại nông thôn 47ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 4ha, đất quốc phòng 1ha, đất xây dựng cơ sở xã hội 2ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2ha, đất công trình giao thông 11ha, đất công trình thủy lợi 3ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 2ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 2ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 7ha, đất bằng chưa sử dụng 88 ha, chủ yếu do chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân và thực hiện các công trình, dự án[5].

+ Giảm 486ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 11ha, đất trồng cây hằng năm khác 10ha, đất trồng cây lâu năm 199ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất rừng sản xuất 23ha, đất nuôi trồng thủy sản 79ha, đất ở tại nông thôn 100ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất xây

[5] Dự án nhà ở kết hợp quảng trường, nhà ở kết hợp cây xanh, nhà ở mật độ cao tại phường Hiệp Thành; Dự án Khu Dân cư phường Tân Xuyên - Khu D (phân kỳ 2) của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Cà Mau; Khu Tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh theo Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho UBND thành phố Cà Mau; Dự án Đầu tư nhà ở xã hội phường Tân Xuyên theo Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị mới khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau theo Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất, cho thuê đất đối với Công ty TNHH T&T Land Cà Mau; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại An Sinh IV theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất, cho thuê đất đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đồng Tâm;...

dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất thương mại, dịch vụ 8ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3ha, đất công trình giao thông 33ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 2ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất tôn giáo 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 4ha, đất bằng chưa sử dụng 1 ha.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 374 ha, so với năm 2019 là 354 ha, tăng 20ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 81ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 3ha, đất trồng cây lâu năm 9ha, đất rừng sản xuất 17ha, đất nuôi trồng thủy sản 8ha, đất ở tại nông thôn 7ha, đất ở tại đô thị 2ha, đất an ninh 4ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 6ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 7ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 7ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất công trình giao thông 4ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 1ha, do UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành quyết định giao đất cho các tổ chức[6].

+ Giảm 61ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 0ha, đất trồng cây hằng năm khác 1ha, đất trồng cây lâu năm 4ha, đất rừng sản xuất 2ha, đất nuôi trồng thủy sản 3ha, đất ở tại nông thôn 2ha, đất ở tại đô thị 4ha, đất quốc phòng 2ha, đất an ninh 6ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 2ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 3ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0ha, đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 2ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0ha, đất công trình giao thông 12ha, đất công trình thủy lợi 2ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 2ha, đất bằng chưa sử dụng 9 ha.

- *Đất quốc phòng:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 7.991ha, so với năm 2019 là 3.204ha, tăng 4.786ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 4.920ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1.550ha, đất trồng cây lâu năm 87ha, đất rừng phòng hộ 34ha, đất rừng sản xuất 2.960ha, đất nuôi trồng thủy sản 23ha, đất nông nghiệp khác 1ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4ha, đất công trình giao thông 65ha, đất công trình thủy lợi 70ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 63ha, đất bằng chưa sử dụng 59 ha, do thu hồi đất thực hiện xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện

---

[6] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau tại Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; UBND xã Tân Đức tại Quyết định số 1212/QĐ- UBND ngày 29/6/2021; Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Hành chính thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 10/5/2022; Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 20/12/2024; UBND xã Phú Mỹ theo Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 20/12/2024,...

Phước Long, mở rộng kho vũ khí đạn của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và xác định lại mục đích sử dụng đất theo quyết định giao đất các khu đất như: Thao trường huấn luyện Huyện Trần Văn Thời, Ban Chỉ huy Quân sự Huyện Trần Văn Thời,...

+ Giảm 52ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 3ha, đất trồng cây lâu năm 2ha, đất rừng đặc dụng 1ha, đất rừng sản xuất 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 39ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất công trình giao thông 3ha, đất công trình thủy lợi 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1ha và giảm khác 81ha.

- *Đất an ninh:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 1.989ha, so với năm 2019 là 2.932ha, giảm 943ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 22ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất rừng đặc dụng 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 6ha, đất ở tại nông thôn 2ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 6ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất công trình giao thông 2ha, đất công trình thủy lợi 1ha, do thực hiện các trụ sở[7].

+ Giảm 965ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 10ha, đất trồng cây lâu năm 2ha, đất rừng phòng hộ 315 ha, đất rừng sản xuất 31ha, đất nuôi trồng thủy sản 593 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 4ha, đất công trình giao thông 3ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất, do xác định lại mục đích sử dụng đất khu đất khu đất Công an tỉnh Cà Mau tại xã Tam Giang theo hồ sơ giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại ranh giới sử dụng đất theo hồ sơ địa chính.

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 146ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019 là 151ha, giảm 5ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 36ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 4ha, đất rừng đặc dụng 1ha, đất rừng sản xuất 2ha, đất nuôi trồng thủy sản 5ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất công trình giao thông 2ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 11ha, do thực hiện các công trình, dự án[8].

+ Giảm 41ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 3ha, đất rừng đặc dụng 2ha, đất rừng sản xuất 4ha, đất nuôi trồng thủy sản 3ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 6ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất công trình giao thông 2ha, đất công trình phòng,

---

[7] Cơ sở làm việc khối cảnh sát thuộc Công an tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Công an tỉnh Cà Mau tại Phường 6 và phường Tân Thành, thành phố Cà Mau và Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Công an tỉnh Cà Mau tại Phường 6, thành phố Cà Mau; xác định lại ranh giới sử dụng đất khu đất Công an xã Phú Mỹ theo Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Công an xã Phú Mỹ tại xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân; Công an thị trấn Đầm Dơi theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Công an thị trấn Đầm Dơi,...

[8] Đất xây dựng cơ sở văn hóa (Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị mới khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau, Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại An Sinh IV); Trung tâm Văn hóa Truyền thông - Thể thao huyện Năm Căn; Trung tâm Văn hoá - Thể thao xã Quách Phẩm theo Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho UBND xã Quách Phẩm,...

chống thiên tai 1ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 5ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 10ha.

- *Đất xây dựng cơ sở xã hội:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 11ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019 là 20ha, giảm 8ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại đô thị 2ha, đất công trình xử lý chất thải 7ha.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 142ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019 là 137ha, tăng 5ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 31ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 5ha, đất nuôi trồng thủy sản 18ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1ha, đất công trình giao thông 1ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 1ha, đất bằng chưa sử dụng 2ha, do thực hiện các công trình, dự án [9].

+ Giảm 26ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 2ha, đất ở tại nông thôn 2ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất công trình giao thông 2ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 7ha, đất bằng chưa sử dụng 10ha.

- *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 761 ha, so với năm 2019 là 755 ha, tăng 6ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 111ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 11ha, đất trồng cây lâu năm 22ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất rừng sản xuất 3ha, đất nuôi trồng thủy sản 26ha, đất ở tại nông thôn 4ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 3ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 9ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất công trình giao thông 8ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2ha, đất bằng chưa sử dụng 13 ha, do thực hiện các công trình, dự án [10].

+ Giảm 105ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 8ha, đất trồng cây lâu năm 30ha, đất rừng đặc dụng 1ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất rừng sản xuất 3ha, đất nuôi trồng thủy sản 13ha, đất ở tại nông thôn 6ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 7ha, đất quốc phòng 1ha, đất an ninh 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất thương mại, dịch vụ 3ha, đất công trình giao thông 11ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 3ha, đất tôn giáo 1ha, đất nghĩa trang,

---

[9] Mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cà Mau, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Cà Mau; Đất xây dựng cơ sở y tế (Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại An Sinh IV theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Cà Mau);...

[10] Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Cà Mau để xây dựng Trường Tiểu học và Trường Mẫu giáo Lương Thế Trân; Trường Mẫu giáo Tạ An Khương Đông theo Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Trường Mẫu giáo Tạ An Khương Đông; Trường Trung học cơ sở và Trung học Phổ thông Vàm Đình theo Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Trường Mẫu giáo Hoa Hồng và giao đất cho Trường Trung học cơ sở và Trung học Phổ thông Vàm Đình tại xã Phú Thuận, xây dựng một số điểm trường tại xã Định Thành, xã Hòa Bình, xã Vĩnh Lợi,...

nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2ha và đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 10ha.

- *Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 51ha, so với năm 2019 là 68ha, giảm 16ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 7ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 3ha, đất ở tại đô thị 1ha.

+ Giảm 23ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 4ha, đất trồng cây lâu năm 3ha, đất nuôi trồng thủy sản 2ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất công trình giao thông 2ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 4ha, đất bằng chưa sử dụng 1ha.

- *Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 1ha, so với năm 2019 là 1ha, không biến động mục đích sử dụng đất.

- *Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 1ha, so với năm 2019 không có đất xây dựng cơ sở khí tượng thuỷ văn, tăng 1ha, được chuyển từ đất xây dựng trụ sở cơ quan, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 42ha, so với năm 2019 là 67ha, giảm 26ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, cụ thể như sau:

+ Tăng 11ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất rừng sản xuất 7ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất công trình thủy lợi 1ha do thực hiện các công trình, dự án [11].

+ Giảm 37ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 2ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 1ha, đất nông nghiệp khác 5ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 7ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 9ha, đất thương mại, dịch vụ 3ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2ha, đất công trình giao thông 1ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3ha.

- *Đất khu công nghiệp:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 470ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019 là 384 ha, tăng 86ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 121ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 12ha, đất trồng cây lâu năm 20ha, đất nuôi trồng thủy sản 68ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất cơ sở

---

[11] Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau;...

sản xuất phi nông nghiệp 2ha, đất công trình giao thông 11ha, đất công trình thủy lợi 3ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3ha, do thực hiện các công trình, dự án [12].

+ Giảm 35ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 7ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 8ha, đất công trình giao thông 10ha, đất công trình thủy lợi 3ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4ha.

- *Đất cụm công nghiệp:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 67ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019 không có đất cụm công nghiệp, tăng 67ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 3ha, đất nuôi trồng thủy sản 63ha, do thực hiện cụm công nghiệp Gành Hào tại xã Gành Hào .

- *Đất thương mại, dịch vụ:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 482 ha, so với năm 2019 là 479 ha, tăng 3ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 133ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 11ha, đất trồng cây lâu năm 14ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất rừng sản xuất 14ha, đất nuôi trồng thủy sản 20ha, đất nông nghiệp khác 2ha, đất ở tại nông thôn 2ha, đất ở tại đô thị 8ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 3ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 3ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 8ha, đất công trình giao thông 2ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 3ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1ha, đất bằng chưa sử dụng 36ha, do thực hiện các dự án [13].

+ Giảm 130ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 2ha, đất trồng cây hằng năm khác 1ha, đất trồng cây lâu năm 18ha, đất rừng phòng hộ 55ha, đất nuôi trồng thủy sản 24ha, đất nông nghiệp khác 1ha, đất ở tại nông thôn 5ha, đất ở tại đô thị 2ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 6ha, đất công trình giao thông 3ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 2ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 7ha.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 1.033ha, so với năm 2019 là 1.035ha, giảm 2ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 157ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 5ha, đất trồng

---

[12] Dự án xây dựng Khu Công nghiệp Hòa Trung; Nhà máy Chế biến thức ăn thủy sản C.P Cà Mau theo Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh tại Khu Công nghiệp Khánh An, huyện U Minh và cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam thuê, Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Hòa Trung theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất, xác định lại ranh giới sử dụng đất Khu công nghiệp Trà Kha tại phường Bạc Liêu,...

[13] Dự án đầu tư Cửa hàng xăng dầu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất Hiền Đức theo Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất; Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau theo Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau thuê đất, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đầm Dơi theo Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất và cho thuê đất,...

cây lâu năm 35ha, đất nuôi trồng thủy sản 79ha, đất làm muối 2ha, đất ở tại nông thôn 3ha, đất ở tại đô thị 3ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 2ha, đất khu công nghiệp 8ha, đất thương mại, dịch vụ 6ha, đất công trình giao thông 6ha, đất công trình thủy lợi 1ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3ha, đất bằng chưa sử dụng 1ha, do thực hiện các công trình, dự án [14].

+ Giảm 159ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 16ha, đất rừng sản xuất 2ha, đất nuôi trồng thủy sản 45ha, đất chăn nuôi tập trung 1ha, đất nông nghiệp khác 48ha, đất ở tại nông thôn 5ha, đất ở tại đô thị 2ha, đất quốc phòng 4ha, đất khu công nghiệp 2ha, đất thương mại, dịch vụ 8ha, đất công trình giao thông 9ha, đất công trình thủy lợi 3ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 4ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 1ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 3ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 1ha.

- *Đất công trình giao thông:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 11.863ha, so với năm 2019 là 11.930ha, giảm 67ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 3.389ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 568ha, đất trồng cây hằng năm khác 11ha, đất trồng cây lâu năm 1.087ha, đất rừng đặc dụng 7ha, đất rừng phòng hộ 32ha, đất rừng sản xuất 209ha, đất nuôi trồng thủy sản 727ha, đất làm muối 17ha, đất nông nghiệp khác 1ha, đất ở tại nông thôn 139ha, đất ở tại đô thị 33ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 12ha, đất quốc phòng 3ha, đất an ninh 3ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 2ha, đất xây dựng cơ sở y tế 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 11ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 2ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1ha, đất khu công nghiệp 10ha, đất thương mại, dịch vụ 3ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 9ha, đất công trình thủy lợi 138ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 2ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 18ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 2ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2ha, đất tôn giáo 3ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 4ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 234ha, đất bằng chưa sử dụng 99ha và tăng khác 4ha, do thực hiện các công trình, dự án [15].

---

[14] Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất chế biến gỗ, sản xuất viên nén, ván sợi MDF của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu gỗ Hùng Dũng HD Cà Mau theo Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất tại xã Khánh An; cơ sở sản xuất nước đá Trường Khánh của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trường Khánh tại xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho phép Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trường Trường Khánh chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất; Dự án đầu tư xây dựng, nghiên cứu, sản xuất, thủy sản công nghệ cao của Công ty Cổ phần Camimex Group theo Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho Công ty Cổ phần Camimex Group thuê đất, cập nhật các khu đất theo hồ sơ địa chính như: Công ty Chế biến thuỷ sản Thủy Chung, Công ty Cổ phần thủy sản Bạc Liêu, Công ty Kinh doanh và Chế biến xuất nhập khẩu Minh Hiếu tại phường Giá Rai,...

[15] Tuyến tránh Quốc lộ 1A; Dự án Đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (giai đoạn 2021-2025, đoạn Cần Thơ - Cà Mau); Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội; tuyến đường trục chính Đông - Tây tỉnh Cà Mau; tuyến đường từ bến phà xã Hiệp Tùng - Lâm trường 184 đến bến

+ Giảm 3.456ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 307ha, đất trồng cây hằng năm khác 15ha, đất trồng cây lâu năm 1.351ha, đất rừng đặc dụng 4ha, đất rừng phòng hộ 21ha, đất rừng sản xuất 140ha, đất nuôi trồng thủy sản 563 ha, đất ở tại nông thôn 130ha, đất ở tại đô thị 11ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 4ha, đất quốc phòng 65ha, đất an ninh 2ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 2ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 8ha, đất khu công nghiệp 11ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 6ha, đất công trình thủy lợi 100ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 53ha, đất công trình xử lý chất thải 1ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 13ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2ha, đất tôn giáo 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 625ha, đất bằng chưa sử dụng 13ha và giảm khác 4ha.

- *Đất công trình thủy lợi:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 8.583ha, so với năm 2019 là 9.852ha, giảm 1.269ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 2.103ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 40ha, đất trồng cây lâu năm 49ha, đất rừng đặc dụng 76ha, đất rừng phòng hộ 6ha, đất rừng sản xuất 29ha, đất nuôi trồng thủy sản 97ha, đất làm muối 1ha, đất ở tại nông thôn 12ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất quốc phòng 1ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3ha, đất công trình giao thông 100ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 41ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1.631ha, đất bằng chưa sử dụng 10ha và tăng khác 12ha, do thực hiện các công trình, dự án [16].

+ Giảm 3.377ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 65ha, đất trồng cây hằng năm khác 1ha, đất trồng cây lâu năm 91ha, đất rừng đặc dụng 15ha, đất rừng phòng hộ 29ha, đất rừng sản xuất 16ha, đất nuôi trồng thủy sản 86ha, đất ở tại nông thôn 6ha, đất ở tại đô thị 3ha, đất quốc phòng 70ha, đất an ninh 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1ha, đất khu công nghiệp 3ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1ha, đất công trình giao thông 138ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 2ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 200ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 1ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 18ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 7ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2.604ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0ha, đất bằng chưa sử dụng 17ha và giảm khác 8ha.

- *Đất công trình cấp nước, thoát nước:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 11ha, so với năm 2019 không có đất công trình cấp nước, thoát nước, tăng 11ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 2ha, đất nuôi trồng thủy sản 1ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1ha, đất cơ sở sản

---

phà qua xã Tam Giang, đất giao thông thuộc Khu công nghiệp Trà Kha, tuyến đường giao thông DT.980, đường cao tốc Bắc - Nam tại xã Vĩnh Lộc,...

[16] Tiểu Dự án 8 Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau; Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở tại cửa biển Hương Mai (đoạn từ cống Hương Mai đến đê Biển Tây), xây dựng tuyến Ô đê bao Thành Long,...

xuất phi nông nghiệp 4ha, đất công trình thủy lợi 2ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- *Đất công trình phòng, chống thiên tai:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 397ha, so với năm 2019 không có đất công trình phòng, chống thiên tai, tăng 397ha, do cập nhật tuyến Đê phòng hộ Biển Tây tại xã Khánh Lâm và xã Nguyễn Phích; xác định lại mục đích sử dụng đất các công trình phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai và các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền do xác định lại mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai,...

- *Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 60ha, so với năm 2019 là 54ha, tăng 6ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 13ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 5ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất công trình thủy lợi 1ha, đất tôn giáo 2ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2ha, do thực hiện Dự án Cụm tượng đài Kỷ niệm chuyến tàu tập kết ra Bắc 1954 tại xã Sông Đốc và cập nhật lại ranh giới sử dụng đất Đền thờ 10 Anh hùng liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai tại Phường An Xuyên theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Bảo tàng tỉnh Cà Mau,...

+ Giảm 7ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 2ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 1ha, đất công trình giao thông 2ha.

- *Đất công trình xử lý chất thải:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 103ha, so với năm 2019 là 96ha, tăng 7ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 18ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất rừng phòng hộ 4ha, đất xây dựng cơ sở xã hội 7ha, đất công trình giao thông 1ha, đất bằng chưa sử dụng 4ha.

+ Giảm 10ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 2ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 2ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 4ha.

- *Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 2.807ha, so với năm 2019 là 4.576ha, giảm 1.769ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 165ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 14ha, đất trồng cây lâu năm 4ha, đất rừng phòng hộ 25ha, đất rừng sản xuất 16ha, đất nuôi trồng thủy sản 57ha, đất làm muối 2ha, đất khu công nghiệp 1ha, đất thương mại, dịch vụ 2ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3ha, đất công trình giao thông 13ha, đất công trình thủy lợi 18ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4ha, đất bằng chưa sử dụng 7ha, do thực hiện các công trình, dự án [17].

---

[17] sau: Dự án xây dựng Trạm điện 110KV Định Bình và nhánh rẻ trạm 110KV Định Bình theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND thành phố Cà Mau về việc thu hồi đất của Trung tâm Khuyến nông,

+ Giảm 1.934ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 2ha, đất trồng cây lâu năm 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 1ha, đất thương mại, dịch vụ 3ha, đất công trình giao thông 18ha, đất công trình thủy lợi 41ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 7ha, đất bằng chưa sử dụng 1.860ha.

- *Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 19ha, so với năm 2019 là 22ha, giảm 3ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 2ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha.

+ Giảm 5ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha, đất xây dựng cơ sở y tế 1ha.

- *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 42ha, so với năm 2019 là 44ha, giảm 2ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 6ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 1ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất công trình giao thông 1ha, đất bằng chưa sử dụng 1ha, do cập nhật lại ranh giới sử dụng đất khu đất Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phát và Chợ Xẻo Quao tại xã Sông Đốc.

+ Giảm 8ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 2ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất công trình giao thông 2ha.

- *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 204ha, so với năm 2019 là 111ha, tăng 94ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 128ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 6ha, đất trồng cây lâu năm 6ha, đất rừng sản xuất 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 3ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 10ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 3ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất công trình giao thông 2ha, đất công trình thủy lợi 7ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 8ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1ha, đất phi nông nghiệp khác 1ha, đất bằng chưa sử dụng 75ha, do thực hiện các công viên, cây xanh thuộc các dự án nhà ở, khu đô thị và xác định lại mục đích sử dụng đất trụ sở sinh hoạt văn hóa ấp, khóm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

+ Giảm 34ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 8ha, đất rừng sản xuất 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 3ha, đất ở tại nông thôn 2ha, đất xây

---

phần đất tọa lạc tại xã Định Bình, thành phố Cà Mau và Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND thành phố Cà Mau về việc thu hồi đất của thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, phần đất tọa lạc tại xã Định Bình, thành phố Cà Mau; Đường dây 110kv từ trạm 220kv Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (Mạch 2); Trạm biến áp 220kv Năm Căn và Đường dây 220kv Năm Căn - Cà Mau 2; Nhà máy điện gió Viên An của Công ty TNHH MTV Năng lượng Viên An Cà Mau theo Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc chuyển mục đích sử dụng rừng và cho thuê đất; Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A thuê; Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1B theo Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1B thuê;...

dựng trụ sở cơ quan 1ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 11ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 2ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất công trình giao thông 2ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 1ha.

- *Đất tôn giáo:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 269 ha, so với năm 2019 là 262ha, tăng 7ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 37ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 6ha, đất trồng cây lâu năm 10ha, đất rừng sản xuất 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 12ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1ha, đất tín ngưỡng 4ha, do thực hiện Chùa Pháp Hội và cập nhật lại các tổ chức cơ sở tôn giáo theo hồ sơ địa chính.

+ Giảm 30ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 2ha, đất trồng cây lâu năm 7ha, đất nuôi trồng thủy sản 10ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất công trình giao thông 3ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 2ha, đất tín ngưỡng 5ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, do xác định lại ranh giới sử dụng đất theo hồ sơ địa chính khu đất Thiền viện Trúc Lâm Nhật Quang tại phường Giá Rai,...

- *Đất tín ngưỡng:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 65ha, so với năm 2019 là 55ha, tăng 10ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 21ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 1ha, đất trồng cây lâu năm 5ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất nuôi trồng thủy sản 7ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất tôn giáo 5ha, do cập nhật lại các công trình tín ngưỡng theo hồ sơ địa chính.

+ Giảm 10ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 3ha, đất nuôi trồng thủy sản 1ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất tôn giáo 4ha.

- *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 455 ha, so với năm 2019 là 490ha, giảm 34ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 42ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 6ha, đất trồng cây lâu năm 13ha, đất rừng phòng hộ 1ha, đất rừng sản xuất 2ha, đất nuôi trồng thủy sản 14ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất công trình giao thông 1ha, đất tôn giáo 1ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1ha, do thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về việc chuyển mục đích sử dụng rừng và giao đất; cập nhật lại các khu đất nghĩa địa theo hồ sơ địa chính.

+ Giảm 76ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 7ha, đất trồng cây hằng năm khác 1ha, đất trồng cây lâu năm 24ha, đất nuôi trồng thủy sản 28ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất ở tại đô thị 2ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất công trình giao thông 4ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 9 ha.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 841 ha, so với năm 2019 là 767 ha, tăng 74ha, do thực hiện dự án Đối ứng Tiểu Dự án 8 (Hồ chứa nước ngọt) tại xã Khánh An và xác định lại ranh giới sử dụng đất Đầm Thị Tường theo hồ sơ địa chính tại xã Trần Văn Thời và xã Phú Mỹ, cụ thể như sau:

+ Tăng 116ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 106ha, đất trồng cây lâu năm 5ha, đất nuôi trồng thủy sản 4ha.

+ Giảm 42ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm 8ha, đất nuôi trồng thủy sản 4ha, đất ở tại đô thị 2ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1ha, đất công trình giao thông 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 8ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 17ha.

- *Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 31.361ha, so với năm 2019 là 29.572ha, tăng 1.788ha, cụ thể như sau:

+ Tăng 4.696ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 159 ha, đất trồng cây hằng năm khác 3ha, đất trồng cây lâu năm 482 ha, đất rừng đặc dụng 91ha, đất rừng phòng hộ 74ha, đất rừng sản xuất 117ha, đất nuôi trồng thủy sản 343 ha, đất làm muối 1ha, đất nông nghiệp khác 3ha, đất ở tại nông thôn 43ha, đất ở tại đô thị 3ha, đất quốc phòng 1ha, đất an ninh 4ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 2ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 3ha, đất khu công nghiệp 4ha, đất thương mại, dịch vụ 7ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4ha, đất công trình giao thông 625ha, đất công trình thủy lợi 2.604ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 7ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 17ha, đất bằng chưa sử dụng 95ha và tăng khác 25ha.

+ Giảm 2.899ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng lúa 130ha, đất trồng cây hằng năm khác 4ha, đất trồng cây lâu năm 272 ha, đất rừng đặc dụng 4ha, đất rừng phòng hộ 59ha, đất rừng sản xuất 159 ha, đất nuôi trồng thủy sản 218ha, đất nông nghiệp khác 1ha, đất ở tại nông thôn 33ha, đất ở tại đô thị 7ha, đất quốc phòng 63ha, đất an ninh 1ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 2ha, đất khu công nghiệp 3ha, đất thương mại, dịch vụ 1ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3ha, đất công trình giao thông 234 ha, đất công trình thủy lợi 1.631ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 34ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 2ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 4ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 0ha, đất bằng chưa sử dụng 31ha và giảm khác 34ha.

- *Đất phi nông nghiệp khác:* Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 10ha, so với năm 2019 là 11ha, không biến động mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên, trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024, có sự biến động như sau:

+ Tăng 2ha, được chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản.

+ Giảm 2ha, do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng.

c) Biến động diện tích nhóm đất chưa sử dụng trong năm kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019

Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 23.527ha, so với năm 2019 là 27.672ha, giảm 4.145ha, cụ thể như sau:

- Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 95ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2019 tỉnh không có đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê, tăng 95ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 5ha, đất trồng cây lâu năm 5ha, đất nuôi trồng thủy sản 25ha, đất ở tại đô thị 4ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2ha, đất xây dựng cơ sở y tế 7ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 10ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 4ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1ha, đất công trình xử lý chất thải 4ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 9ha, đất bằng chưa sử dụng 14 ha, do thực hiện thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai chưa giao, chưa cho thuê sử dụng mà giao Trung tâm Phát triển quỹ đất và UBND các xã, phường quản lý như: Phường Vĩnh Trạch, phường Bạc Liêu, phường Hòa Thành, phường Tân Thành và các xã: Cái Đôi Vàm, Tam Giang, Đất Mới, Năm Căn, Thanh Tùng, Đầm Dơi, Cái Nước, Khánh Hưng, Khánh Bình, Đá Bạc, Sông Đốc và Trần Văn Thời; chuyển từ đất đất bằng chưa sử dụng 14ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 22.395ha, so với năm 2019 là 27.672ha, giảm 5.276ha. Trong đó:

+ Tăng 3.354ha, được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 77ha, đất trồng cây lâu năm 63ha, đất rừng đặc dụng 1.222ha, đất rừng phòng hộ 9ha, đất rừng sản xuất 16ha, đất nuôi trồng thủy sản 14ha, đất ở tại nông thôn 10ha, đất ở tại đô thị 1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 9ha, đất xây dựng cơ sở y tế 10ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 1ha, đất công trình giao thông 13ha, đất công trình thủy lợi 17ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 1.860ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 31ha và tăng khác 470ha.

+ Giảm 3.210ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây hằng năm khác 11ha, đất trồng cây lâu năm 5ha, đất rừng đặc dụng 118ha, đất rừng phòng hộ 1.178ha, đất rừng sản xuất 60ha, đất nuôi trồng thủy sản 289 ha, đất ở tại nông thôn 1ha, đất ở tại đô thị 88ha, đất quốc phòng 59ha, đất xây dựng cơ sở y tế 2ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 13ha, đất thương mại, dịch vụ 36ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1ha, đất công trình giao thông 99ha, đất công trình thủy lợi 10ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 6ha, đất công trình xử lý chất thải 4ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 7ha, đất chợ dân sinh,

chợ đầu mối 1ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 75ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 95ha, đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 14ha, đất có mặt nước chưa sử dụng 1.037ha và giảm khác 5.891ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất khu vực giáp biển và ranh giới sử dụng đất theo Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại phường Hiệp Thành và các xã: Long Điền, Đông Hải, Gành Hào và Vĩnh Hậu.

- Đất có mặt nước chưa sử dụng: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 1.037ha, so với năm 2019 không có đất có mặt nước chưa sử dụng, tăng 1.037ha, được chuyển từ đất bằng chưa sử dụng, được chuyển từ đất bằng chưa sử dụng do xác định lại mục đích sử dụng đất khu vực biển tại phường Hiệp Thành.

2. Biến động về sử dụng đất giữa diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2014

2.1. Biến động diện tích đất tự nhiên

Theo kết quả tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 tỉnh Cà Mau có diện tích đất tự nhiên 788.728ha, so với diện tích tự nhiên trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2014 là 789.045ha, giảm 317ha.

2.2. Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất

a) Biến động diện tích nhóm đất nông nghiệp trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2014

Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 683.234ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2014 là 684.571ha, giảm 1.338ha, cụ thể như sau:

- Giảm 61.448ha, gồm các loại đất sau: Đất trồng lúa 4.966ha, đất nuôi trồng thủy sản 55.759ha và đất làm muối 723ha;

- Tăng 60.110ha, gồm các loại đất sau: Đất trồng cây hàng năm 830 ha, đất trồng cây lâu năm 4.152ha, đất rừng đặc dụng 1.440ha, đất rừng phòng hộ 10.630ha, đất rừng sản xuất 42.614ha, đất chăn nuôi tập trung 4ha và đất nông nghiệp khác 440ha.

b) Biến động diện tích nhóm đất phi nông nghiệp trong năm kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2014

Nhóm đất phi nông nghiệp: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 81.967ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2014 là 80.086ha, tăng 1.882ha, cụ thể như sau:

- Tăng 5.122ha, gồm các loại đất sau: Đất ở tại đô thị 307ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 22ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 21ha, đất xây dựng cơ sở y tế 27ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 26ha, đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn 1ha, đất khu công nghiệp 197ha, đất cụm công nghiệp 67ha, đất thương mại, dịch vụ 174ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 597 ha, đất công trình giao thông 787 ha, đất công trình thủy lợi 363 ha, đất công trình cấp nước, thoát nước

11ha, đất công trình phòng, chống thiên tai 397ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 6ha, đất công trình xử lý chất thải 21ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 1.484ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 4ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 129ha, đất tôn giáo 18ha, đất tín ngưỡng 13ha, đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 448ha.

- Giảm 3.240ha, gồm các loại đất sau: Đất ở tại nông thôn 389 ha, đất quốc phòng 215ha, đất an ninh 1.095ha, đất xây dựng cơ sở xã hội 7ha, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 7ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 11ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 4ha, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 55ha, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1.454ha và đất phi nông nghiệp khác 4ha.

c) Biến động diện tích nhóm đất chưa sử dụng trong năm kiểm kê đất đai năm 2024 so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2014

Nhóm đất chưa sử dụng: Diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 là 23.527ha, so với diện tích kiểm kê đất đai năm 2014 là 24.388ha, giảm 861ha, cụ thể như sau:

- Tăng 1.132ha, gồm các loại đất sau: Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê 95ha và đất có mặt nước chưa sử dụng 1.037ha.

- Giảm 1.993ha, gồm các loại đất sau: Đất bằng chưa sử dụng 1.979ha và núi đá không có rừng cây 13ha.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Căn cứ theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện thuộc tỉnh Cà Mau (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính) gồm: Thành phố Cà Mau và các huyện: Thới Bình, Trần Văn Thời, U Minh, Đầm Dơi, Cái Nước, Phú Tân, Ngọc Hiển; Năm Căn, đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt;

Căn cứ theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện thuộc tỉnh Bạc Liêu (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính) gồm: Thành phố Bạc Liêu, thị xã Giá Rai và các huyện: Hòa Bình, Đông Hải, Hồng Dân, Phước Long và Vĩnh Lợi, đã được UBND tỉnh Bạc Liêu phê duyệt.

Trên cơ sở tổng hợp diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện thuộc tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu đã UBND tỉnh Cà Mau và UBND tỉnh Bạc Liêu phê duyệt. Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh như sau:

Bảng 4.4: So sánh diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2024 với diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt

Đơn vị tính: ha

STT	Loại đất	Ký hiệu	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Tăng (+); giảm (-)

STT	Loại đất	Ký hiệu	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)-(5)*
	Tổng diện tích (I+II+III)		**788.728**	**794.239**	**-5.511**
I	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**683.234**	**678.976**	**4.257**
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	182.056	176.697	5.358
1.1	Đất trồng lúa	LUA	178.609	174.026	4.583
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	96.715	96.742	-27
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	81.894	77.284	4.610
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	3.446	2.672	775
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	66.729	59.459	7.270
3	Đất lâm nghiệp	LNP	148.201	144.597	3.604
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.385	20.701	-1.316
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	37.201	35.700	1.502
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	91.614	88.196	3.418
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	0	0	0
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	284.006	295.980	-11.974
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	4	0	4
6	Đất làm muối	LMU	1.620	1.693	-73
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	619	550	69
II	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**81.967**	**88.215**	**-6.247**
1	Đất ở	OTC	11.316	12.960	-1.645
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	8.360	9.455	-1.095
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.955	3.505	-550
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	374	375	0
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	9.980	10.655	-675
3.1	Đất quốc phòng	CQP	7.991	7.704	287
3.2	Đất an ninh	CAN	1.989	2.951	-962
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1.155	1.258	-103
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	146	165	-19
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	11	12	-1
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	142	142	0
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	761	807	-46
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	51	66	-15
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	1	1	0
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0	0	0
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	1	0	1
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	0	0

STT	Loại đất	Ký hiệu	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	42	66	-24
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2.053	2.733	-681
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	537	1.030	-493
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	470	837	-367
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	67	192	-126
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0	0	0
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	482	667	-184
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.033	1.037	-4
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0	0	0
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	24.088	29.039	-4.951
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	11.863	14.071	-2.208
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	8.583	10.065	-1.482
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	11	0	11
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	397	0	397
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	60	73	-13
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	103	130	-27
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2.807	4.322	-1.516
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	19	24	-5
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	42	51	-9
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	204	302	-98
7	Đất tôn giáo	TON	269	287	-18
8	Đất tín ngưỡng	TIN	65	55	10
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	455	553	-97
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	32.202	30.289	1.913
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	841	768	73
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	31.361	29.521	1.840
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	10	11	0
III	**Nhóm đất chưa sử dụng**	**CSD**	**23.527**	**27.048**	**-3.521**
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	95	0	95
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	22.395	22.638	-242

STT	Loại đất	Ký hiệu	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0	0	0
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	0	0	0
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	1.037	0	1.037

Qua so sánh diện tích kiểm kê đất đai năm 2024 với diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của 16 huyện, thị xã, thành phố được phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của tỉnh như sau:

- Diện tích tự nhiên trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 là 788.728ha so với diện tích tự nhiên kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của 16 huyện, thành phố trước khi sắp xếp là 794.239ha, giảm 5.511ha, do kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 xác định lại ranh địa giới hành chính cấp xã.

- Việc lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh đã từng bước đáp ứng nhu cầu công tác quản lý nhà nước về đất đai, đảm bảo việc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, các địa phương.

- Nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của người sử dụng đất được nâng lên, sự tham gia của người dân trong công tác lập kế hoạch sử dụng đất đã từng bước phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, định hướng người sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì việc lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 còn một số tồn tại như:

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực vẫn còn trường hợp chưa phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chưa xem xét, cân nhắc đến tính khả thi của các công trình, dự án và khả năng bố trí nguồn vốn theo kế hoạch vốn đầu tư công nên một số chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có sự chênh lệch tương đối lớn so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Một số dự án đã được triển khai thực hiện nhưng gặp khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, dẫn đến kéo dài thời gian không hoàn thành công tác thu hồi đất, làm chậm tiến độ thực hiện các công trình, dự án;

- Các dự án kêu gọi đầu tư có nguồn vốn từ doanh nghiệp ứng trước chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng vẫn chưa thực hiện được do chưa kêu gọi được nhà đầu tư.

- Ngân sách còn khó khăn dẫn đến một số công trình, dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhưng chưa thực hiện được, đặc biệt là các công trình, dự án thuộc đất phi nông nghiệp.

VI. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI, CHƯA THỐNG NHẤT VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Tình hình thay đổi về địa giới hành chính

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Cà Mau, gồm 64 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (09 phường và 55 xã).

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, địa giới hành chính tỉnh Cà Mau thay đổi thông qua biến động diện tích tự nhiên của tỉnh như sau:

Bảng 4.5: Biến động diện tích tự nhiên tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Đơn vị tính: ha

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích năm 2024	So với năm 2019	
			Diện tích năm 2019	Tăng(+); giảm (-)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)-(4)*
01	Tỉnh Cà Mau (cũ)	527.451	527.451	0
02	Tỉnh Bạc Liêu (cũ)	261.277	266.788	- 5.511
Tổng (1)+(2)		**788.728**	**794.239**	**- 5.511**

Diện tích tự nhiên của tỉnh Bạc Liêu (cũ) giảm sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, do kỳ kiểm kê đất đai năm 2024 xác định lại ranh địa giới hành chính cấp xã theo Quyết định số 630/QĐ-BNV ngày 08/08/2023 của Bộ Nội vụ về công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của tỉnh Cà Mau đã được hoàn thiện hiện đại hóa theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và công bố danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều vùng ven biển và 10 đảo, cụm đảo lớn của Việt Nam; bản đồ đường mép nước thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 03 hải lý vùng ven biển Việt Nam.

2. Tình hình chưa thống nhất về địa giới hành chính

Qua rà soát địa giới hành chính tỉnh Cà Mau sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025 và Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Cà Mau không có trường hợp chưa thống nhất về địa giới hành chính trong quá trình thực hiện tổng hợp kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 theo Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc

tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Phần V
KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CHUYÊN ĐỀ

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CHUYÊN ĐỀ

1. Mục đích

- Tổng hợp diện tích về tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển trên địa bàn tỉnh Cà Mau, gồm: Loại đất, diện tích đất đang sử dụng đúng mục đích; đất sử dụng không đúng mục đích; đang giao, giao khoán, khoán trắng; cho thuê, cho mượn; liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư; bị lấn, bị chiếm; đang có tranh chấp; đất chưa sử dụng do hai Công ty lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng.

- Đánh giá hiện trạng về tình hình quản lý, sử dụng đất; tình hình đo đạc, cấp Giấy chứng nhận và hình thức sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Cung cấp số liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai và nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động sắp xếp, đổi mới Công ty lâm nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững.

2. Yêu cầu

- Công tác rà soát, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng đất; tình hình đo đạc, cấp Giấy chứng nhận và hình thức sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển trên địa bàn tỉnh Cà Mau phải thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024.

- Kết quả tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng quy định của pháp luật về đất đai và phản ánh đúng tình hình thực tế hiện trạng sử dụng đất.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thực hiện đồng thời gắn với kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024. Nội dung thực hiện như sau:

1. Tình hình tổ chức thực hiện

1.1. Công tác chuẩn bị

- Thu thập hồ sơ, tài liệu, dữ liệu ranh giới, địa giới đơn vị hành chính cấp xã mới gồm: Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025; Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

- Thu thập hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý, sử dụng.

1.2. Tổ chức thực hiện

Thực hiện theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024 và Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024"; Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kiểm kê đất đai năm 2024.

Để thực hiện tốt công tác tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo đúng nội dung, trình tự quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện và nhiều văn bản chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề, xây dựng báo cáo kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển trên địa bàn tỉnh Cà Mau đảm bảo theo quy định.

2. Phương pháp tổng hợp số liệu

Số liệu kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển được tổng hợp tự động từ bản đồ kiểm kê đất đai của cấp xã trên phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

III. HIỆN TRẠNG VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

1. Diện tích các loại đất đang quản lý, sử dụng đất

Tỉnh Cà Mau có hai Công ty Lâm nghiệp (Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển). Trong đó:

- Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ, hoạt động tại hệ sinh thái rừng ngập lợ U Minh Hạ, thuộc địa bàn hành chính các xã: U Minh, Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Biển Bạch và Đá Bạc; ngành nghề chính là trồng rừng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ, nuôi dưỡng rừng trồng, khai thác rừng, chế biến lâm sản, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp,...

- Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển, hoạt động tại hệ sinh thái rừng ngập mặn, thuộc địa bàn hành chính xã Tân Ân và Tam Giang; ngành nghề chính là trồng rừng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ, nuôi dưỡng rừng trồng, khai thác rừng, chế biến lâm sản, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp,...

Tổng diện tích đất do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý, sử dụng là 44.269ha, gồm các nhóm đất sau:

1.1. Nhóm đất nông nghiệp

Diện tích nhóm đất nông nghiệp là 43.482ha, chủ yếu là đất rừng sản xuất. Trong đó:

- Diện tích đất rừng sản xuất, do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý, sử dụng 23.355ha;

- Diện tích đất rừng sản xuất, do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý, sử dụng 20.127ha.

1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp là 787ha, gồm các loại đất sau:

- Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 27ha (Trong đó: Diện tích do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ quản lý, sử dụng là 21ha và diện tích Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển quản lý, sử dụng là 7ha);

- Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng là 232 ha, do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý, sử dụng.

- Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt, diện tích là 3ha, do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý.

- Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, diện tích là 525ha do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý.

2. Tình hình quản lý, sử dụng đất

Qua tổng hợp tình hình, quản lý sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

Bảng 5.1: Tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển

Đơn vị tính: ha

STT	Loại đất	Tổng diện tích quản lý, sử dụng	Đất đang sử dụng đúng mục đích (DMD)		Đất đang giao, giao khoán, khoán trắng, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư		
			Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Tổng diện tích	Đất đang giao, giao khoán, khoán trắng (DGK)	Đất đang liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư (DLD)
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)+(6)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*
	Tổng diện tích	**44.269**	**43.482**	**787**	**38.146**	**34.145**	**4.002**
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ	24.133	23.355	778	19.993	15.991	4.002
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển	20.136	20.127	9	18.154	18.154	-

Qua tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển, các loại đất Công ty lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng đều được sử dụng đúng mục đích sử dụng đất. Hình thức sử dụng đất, gồm: Đất đang giao, giao khoán, khoán trắng và đất đang liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư.

Công ty lâm nghiệp không có trường hợp đất sử dụng không đúng mục đích sử dụng đất; đất đang cho thuê, cho mượn; đất đang bị lấn, bị chiếm; đất đang có tranh chấp, đất giao quản lý nhưng chưa sử dụng.

Tình hình quản lý, sử dụng diện tích đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển, cụ thể như sau:

a) Đất sử dụng đúng mục đích

Toàn bộ diện tích Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý, sử dụng đều được sử dụng đúng mục đích sử dụng đất với diện tích là 44.269ha. Trong đó:

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp là 43.482ha, gồm:

+ Diện tích do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý, sử dụng là 23.355ha;

+ Diện tích do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý, sử dụng là 20.127ha.

- Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp là 787ha, gồm:

+ Diện tích do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý, sử dụng là 778 ha;

+ Diện tích do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý, sử dụng là 9ha.

b) Đất đang giao, giao khoán, khoán trắng và liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư

Diện tích đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang giao, giao khoán, khoán trắng và liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư là 38.146ha. Trong đó:

- Diện tích đất đang giao, giao khoán, khoán trắng là 34.145ha, gồm:

+ Diện tích do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý, sử dụng là 15.991ha;

+ Diện tích do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đang quản lý, sử dụng là 18.154ha.

- Diện tích đất đang liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư là 4.002ha, do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ đang quản lý, sử dụng.

3. Tình hình đo đạc, cấp Giấy chứng nhận và hình thức sử dụng đất

3.1. Tình hình đo đạc, cấp Giấy chứng nhận

- Đối với công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính: Toàn bộ diện tích Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đã được đo đạc, lập bản đồ địa chính với diện tích là 44.269ha, tỷ lệ bản đồ địa chính được thành lập như sau:

+ Diện tích Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ đã đo đạc, lập bản đồ địa chính là 24.133ha. Trong đó: Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000 với diện tích 2ha và bản đồ địa chính tỷ lệ 1:5.000 với diện tích là 24.131ha.

+ Diện tích Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đã đo đạc, lập bản đồ địa chính là 20.136ha. Trong đó: Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000 với diện tích 45ha và bản đồ địa chính tỷ lệ 1:5.000 với diện tích là 20.091ha.

- Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hiện nay, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển chưa lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3.2. Hình thức sử dụng đất

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất. Hiện nay, Công ty đang phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đo đạc, lập mảnh đo đạc, chỉnh lý thửa đất để phục vụ lập thủ tục thuê đất theo quy định.

IV. NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

1. Nguyên nhân

Công ty đã tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh rừng theo Luật Doanh nghiệp đã dần đi vào ổn định và đạt được một số kết quả quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định, do các nguyên nhân sau:

- Công ty thực hiện việc trồng rừng và bán sản phẩm cây rừng (đước, keo lai gỗ nhỏ, cừ tràm) chưa đa dạng hóa sản phẩm từ rừng trồng; chưa tạo được sự liên kết hoạt động sản xuất lâm nghiệp từ khâu trồng rừng, khai thác, chế biến đến quảng bá sản phẩm hàng hoá và dịch vụ; hoạt động chính vẫn đơn thuần bán sản phẩm cây đứng và trồng lại rừng sau khai thác.

- Huy động nguồn lực thông qua liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư còn hạn chế; chưa phát huy tiềm năng du lịch.

- Việc đo đạc, lập mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất phục vụ thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện kéo dài thời gian, do quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch rừng, xây dựng,... chưa đồng bộ, thống nhất; Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty lâm nghiệp chưa được phê duyệt.

2. Giải pháp

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển, phát huy thế mạnh của việc trồng rừng, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp, đề xuất thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường sự hợp tác, liên doanh - liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu; đẩy mạnh phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm gỗ; xây dựng hệ thống thông tin thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm, thúc đẩy thương mại điện tử cho các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

- Tăng cường mời gọi nhà đầu tư hoặc liên kết, liên doanh với các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh có năng lực, có kinh nghiệm; gắn kết từ khâu sản xuất giống, trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ rừng, nâng cao giá trị nghề rừng, nhằm thu hút vốn, để đầu tư xưởng chế biến, tinh chế gỗ và gắn với đầu ra của sản phẩm.

- Cơ quan có thẩm quyền sớm phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hai Công ty lâm nghiệp, để phát huy thế mạnh của rừng và đất lâm nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế rừng trong tình hình mới. Đồng thời hoàn thành việc đo đạc, lập mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất phục vụ thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất.

Phần VI
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thống nhất diện tích quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp, đất an ninh, đất quốc phòng trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau báo cáo, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

- Quy định thống nhất chỉ tiêu kiểm kê đất đai theo quy định pháp luật về đất đai và chỉ tiêu kiểm kê hiện trạng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp để thống nhất diện tích đất lâm nghiệp trong quá trình quản lý, sử dụng.

- Phối hợp với Bộ Công an và Bộ quốc phòng, thống chỉ tiêu kiểm kê đất an ninh, đất quốc phòng đối với các khu đất, địa phương đang quản lý, sử dụng theo hồ sơ địa chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 của tỉnh đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: NNMT, XD, TC.
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-TN;
- Lưu: VT, L33.05.00, KP119/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử